TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/KDTM-PT
Ngày: 24/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng dân sự về hợp tác".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 02/2023/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng dân sự về hợp tác*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 995/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (E);

Địa chỉ trụ sở: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ký đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Hồ Hoàng V - Phó Tổng giám đốc.

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T - Phó phòng Phòng Quản lý nợ có vấn đề - Khối Quản lý rủi ro hoặc/và ông Phạm Đình P - Chuyên viên Phòng Quản lý nợ có vấn đề - Khối Quản lý rủi ro; Địa chỉ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà Nguyễn Thị Hồng T có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (CTY TNHH

MTV T);

Địa chỉ trụ sở: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre - Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Thùy V, sinh năm 1974; địa chỉ: Văn phòng luật sư L - khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Vũ T tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Thùy V, sinh năm 1974; Địa chỉ: Văn phòng luật sư L - khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3.2. Ông Bùi Duy H, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3.3. Bà Lương Thị Y, sinh năm 1985; (yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* ***Người kháng cáo:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ T – Chức vụ: Giám đốc công ty.

Là bị đơn trong vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Thùy V, sinh năm 1974; địa chỉ: Văn phòng luật sư L - khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bà Nguyễn Thị Hồng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X trình bày*:**

Do cần vốn vay làm ăn nên công ty TNHH Một thành viên T (viết tắt là công ty T) do ông Nguyễn Vũ T là người đại diện theo pháp luật có ký vay của Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh M theo hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2020, 03 biên bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng (ngày 23/7/2020, ngày 06/11/2020 và ngày 28/01/2021). Tổng số tiền gốc công ty T đã vay là 33.400.000.000 đồng. Quá trình vay vốn, công ty T đã ký 05 khế ước ước nhận nợ, cụ thể:

- Khế ước nhận nợ ngày 06/11/2020, thời hạn vay từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/5/2021 với số tiền 1.300.000.000 đồng, ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng, trả gốc khi đáo hạn.

- Khế ước nhận nợ ngày 29/01/2021, thời hạn từ ngày 29/01/2021 đến ngày 29/7/2021 với số tiền 2.100.000.000 đồng, ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng, trả gốc khi đáo hạn.

- Khế ước nhận nợ ngày 03/02/2021, thời hạn từ ngày 03/2/2021 đến ngày 03/8/2021 với số tiền 10.100.000.000 đồng, ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng, trả gốc khi đáo hạn.

- Khế ước nhận nợ ngày 04/02/2021, thời hạn từ ngày 04/02/2021 đến ngày 04/8/2021 với số tiền 9.940.000.000 đồng, ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng, trả gốc khi đáo hạn.

- Khế ước nhận nợ ngày 05/02/2021, thời hạn từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/8/2021 với số tiền 9.960.000.000 đồng, ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng, trả gốc khi đáo hạn.

Để đảm bảo cho việc vay vốn của công ty T thì ông Nguyễn Vũ T đã thế chấp tài sản, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa 368 tờ bản đồ số 10 diện tích 211,6m^2 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Vũ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở (diện tích xây dựng 119,8m^2, diện tích sàn 257,6m^2) tọa lạc trên phần đất nêu trên.

- Quyền sử dụng đất thửa đất 369 tờ bản đồ số 10 diện tích 503,7m^2 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Vũ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất thửa đất 201 tờ bản đồ số 10 diện tích 65,6m^2 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Vũ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Vì vậy, nay Ngân hàng TMCP X (viết tắt là ngân hàng) yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc công ty T thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 15/12/2022 là 39.381.674.825 đồng, trong đó nợ gốc 31.400.693.000 đồng, lãi trong hạn 1.503.300.370 đồng, lãi quá hạn 6.241.608.250 đồng và lãi chậm trả lãi là 236.073.205 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 16/12/2022 cho đến khi Công ty T trả xong nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký.

- Trường hợp công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông Nguyễn Vũ T để thu hồi nợ, cụ thể: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 368, 369, 201 tờ bản đồ số 10 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

Đối với việc công ty T xin thêm thời gian để thương lượng, bán tài sản thanh toán nợ và xin giảm lãi suất, thấy rằng quá trình khởi kiện, ngân hàng có tạo điều kiện cho công ty T kiếm người bán tài sản thế chấp để trả nợ ngân hàng nhưng đến nay không có kết quả. Đồng thời, vào tháng 10 và tháng 12 năm 2021, công ty T có đưa ra kế hoạch cụ thể trả nợ nhưng công ty T không thực hiện đúng phương án trả nợ nên ngân hàng không thể giảm lãi cho công ty T được. Nay, ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Bùi Duy H: căn cứ kết luận giám định mà Tòa án đã thu thập thì hợp đồng hùn vốn ngày 17/4/2020 giữa ông Bùi Duy H và ông Nguyễn Vũ T là giả tạo nên vô hiệu. Vì vậy, ngân hàng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bà Lê Thị Thùy V là người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH Một thành viên T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ T trình bày:

Công ty T do ông Nguyễn Vũ T là người đại diện theo pháp luật thừa nhận có ký vay của Ngân hàng TMCP X - chi nhánh M theo hợp đồng tín dụng giữa các bên được giao kết vào ngày 14/3/2020, được sửa đổi, bổ sung vào các ngày 23/7/2020, ngày 06/11/2020 và ngày 28/01/2021 và 05 khế ước nhận nợ như lời trình bày của ngân hàng. Tổng số tiền gốc công ty T đã vay của ngân hàng là 33.400.000.000 đồng.

Về tài sản thế chấp: ông T thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp số 26/EIB-MT/TC/2020 ngày 13/3/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa 368, 369, 201 tờ bản đồ số 10 tại phường P cùng một căn nhà trên thửa đất 368 do ông T đứng tên quyền sở hữu để đảm bảo cho khoản vay tín dụng 33.400.000.000 đồng nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: công ty T vi phạm hợp đồng là do bị dịch bệnh dẫn đến kinh tế khó khăn, đây là nguyên nhân khách quan. Do đó, công ty T đề nghị ngân hàng cho công ty T thêm khoảng thời gian để phía công ty T thương lượng với người mua tài sản để có thể bán được tài sản để thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Ngoài ra, công ty T cho rằng hồ sơ khởi

kiện của ngân hàng không hợp lệ. Tại thời điểm ngày 07/4/2021, ông Q không còn là người đại diện theo pháp luật của ngân hàng, cụ thể ông Q không còn là Tổng giám đốc của ngân hàng nên việc ông Q ủy quyền cho ông Nguyễn Hồ Hoàng V - Phó Tổng giám đốc ký đơn khởi kiện cũng như việc ông Q ủy quyền cho bà Trương Huỳnh Thảo N nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí, tham gia tố tụng đều không có giá trị, do đó việc khởi kiện của ngân hàng là không đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Đối với yêu cầu độc lập của Bùi Duy H: đối với các tài sản được xây dựng ngày ký kết hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020, có một số tài sản do ông H xây dựng (do giữa ông T và ông H có thỏa thuận hùn vốn mở quán cà phê) gồm: nhà tiền chế phía trước căn nhà ở riêng lẻ trên thửa 368, phần mái được xây dựng tại thửa 369A, phần mái được xây dựng trên thửa 201 (theo kết quả đo đạc ngày 15/6/2022, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/3/2022). Các tài sản còn lại do ông T xây dựng, do đó ông T chỉ đồng ý hoàn lại cho ông H giá trị theo kết quả định giá đối với các tài sản do ông H xây dựng.

Theo bản tự khai, đơn yêu cầu độc lập ngày 14/01/2022 cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, ông Phan Thành D là người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Duy H trình bày:

Khoảng tháng 4/2020, do có quen biết và có quan hệ làm ăn chung trước đó nên ông T và ông H có thỏa thuận với nhau về việc hùn vốn, xây dựng và kinh doanh quán cà phê. Ông T hùn đất và chi phí mua sắm thiết bị cho việc kinh doanh quán cà phê còn ông H bỏ tiền xây dựng quán cà phê. Thỏa thuận này có văn bản đi kèm là hợp đồng hùn vốn ngày 17/4/2020 có chữ ký hai bên. Sau khi thống nhất ý kiến, ông H đã bỏ ra số tiền 1.750.000.000 đồng xây dựng, hoàn chỉnh quán cà phê P. Phần tiền ông H đã bỏ ra xây dựng gồm: một căn nhà cấp 4; tôn tạo toàn bộ nền đất, lót gạch; xây tường rào bao quanh hết 3 thửa đất 368, 369, 201; xây dựng, trang trí, tạo cảnh quan cho quán cà phê tạo thành một quán cà phê hoàn chỉnh để có thể đưa vào hoạt động hoàn chỉnh.

Khi đầu tư cùng ông T, ông H không biết việc ông T đã đem phần đất xây dựng quán cà phê thế chấp cho ngân hàng để vay vốn. Ông H xác định trừ căn nhà riêng lẻ thuộc thửa 368 do ông T xây dựng, các tài sản khác gắn liền với thửa đất 368, 369, 201 cùng tờ bản đồ số 10 là do ông H xây cất, tổng số tiền ông H đã đầu tư là 1.750.000.000 đồng. Do vậy, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông H yêu cầu ông T hoàn trả lại số tiền đã đầu tư là 1.750.000.000 đồng. Ngoài chứng cứ là hợp đồng hùn vốn ngày 17/4/2020 thì ông H không còn chứng cứ nào khác để chứng minh đã bỏ ra số

tiền 1.750.000.000 đồng. Ông H không đồng ý kết luận giám định, ông H khẳng định ông T đã ký vào hợp đồng hùn vốn. Ông H không còn yêu cầu nào khác.

Vào lúc 7 giờ 10 phút ngày 30/01/2023, ông Phan Thành D là người đại diện theo ủy quyền của ông H có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập của ông H. Tại biên bản làm việc ngày 30/01/2023, ông D trình bày lý do ông H rút đơn yêu cầu độc lập vì ông H muốn thương lượng với ông T; các chi phí tố tụng gồm chi phí giám định, chi phí giám định lại, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá ông H tự nguyện chịu. Việc ông H rút đơn yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Tòa án chấp nhận. Do bận công việc nên ông D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Y trình bày:

Bà là người làm thuê cho công ty T do ông Nguyễn Vũ T làm giám đốc, còn ông H thì bà chỉ quen biết chứ không có quan hệ họ hàng. Bà có đứng tên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp "Công ty TNHH Dịch vụ ăn uống N" địa chỉ công ty là tại 03 thửa đất 368, 369 và thửa 201 tờ bản đồ số 10 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ông T thuê bà đứng tên đăng ký kinh doanh dùm chứ bà không có hùn vốn gì liên quan đến doanh nghiệp nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì bà không có ý kiến vì tài sản này không có liên quan gì đến bà. Bà hoàn toàn không liên gì trong vụ án giữa Ngân hàng TMCP X với công ty T. Do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong quá trình giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Đối với việc công ty T cho rằng hồ sơ khởi kiện của ngân hàng không hợp lệ, ngân hàng khẳng định hồ sơ khởi kiện của ngân hàng hợp lệ và giữ nguyên quan điểm như Văn bản số 6003/2022/EIB-TGĐ ngày 22/7/2022 mà ngân hàng đã gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc công ty T thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 30/01/2023 là 39.965.083.473 đồng, trong đó nợ gốc 31.400.693.000 đồng, lãi trong hạn 1.503.300.370 đồng, lãi quá hạn 6.805.659.329 đồng và lãi chậm trả lãi là 255.430.774 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 31/01/2023 cho đến khi công ty T trả xong nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các

tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông Nguyễn Vũ T để thu hồi nợ, cụ thể: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 368, 369, 201 tờ bản đồ số 10 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

- Đối với yêu cầu độc lập của ông H: ông H có đơn rút yêu cầu độc lập, ngân hàng không có ý kiến.

Ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

Bà Lê Thị Thùy V là người đại diện theo theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ T trình bày:

Ông Nguyễn Vũ T thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2020, 03 biên bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng, 05 khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020 với Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh M. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thấy rằng hồ sơ khởi kiện của ngân hàng không hợp lệ vì tại thời điểm ngày 07/4/2021 ông Lê Văn Q không còn là người đại diện theo pháp luật của ngân hàng, cho nên văn bản ủy quyền của ông Q cho ông Nguyễn Hồ Hoàng V ký đơn khởi kiện vào ngày 02/4/2018 không còn giá trị tại thời điểm ngày 07/4/2021. Do đó, công ty T đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Đối với yêu cầu độc lập của ông H, ông T không đồng ý trả cho ông H số tiền 1.750.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho ông H giá trị theo kết quả định giá ngày 02/3/2022 đối với các tài sản do ông H xây dựng như bà đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Ông T khẳng định không có ký hợp đồng hùn vốn ngày 17/4/2020 với ông H. Nay, ông H rút đơn yêu cầu độc lập, bà không có ý kiến. Bà khẳng định phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa 368, 369, 201 tờ bản đồ số 10 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre hiện nay vẫn do ông T đang quản lý, sử dụng. Ông T không còn yêu cầu nào khác.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Căn cứ:

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng", cụ thể như sau:

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến ngày 30/01/2023 là 39.965.083.473 (ba mươi chín tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu không trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó: tiền gốc 31.400.693.000 (ba mươi mốt tỷ bốn trăm triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng, lãi trong hạn 1.503.300.370 (một tỷ năm trăm linh ba triệu ba trăm nghìn ba trăm bảy mươi) đồng, lãi quá hạn 6.805.659.329 (sáu tỷ tám trăm linh năm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng và lãi chậm trả lãi là 255.430.774 (hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bốn) đồng theo các văn bản tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766 ngày 14/3/2020.
- Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766-01 ngày 23/7/2020.
- Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766-02 ngày 06/11/2020.
- Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766-03 ngày 28/01/2021.
- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-200001784 ngày 06/11/2020.
- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000228 ngày 29/01/2021.
- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000282 ngày 03/02/2021.
- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000296 ngày 04/02/2021.
- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000311 ngày 05/02/2021.

1.2. Kể từ ngày 31/01/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các văn bản tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP X thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP X theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP X.

1.3. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên vật liệu xây

dựng trang trí nội thất T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 368, 369, 201 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Vũ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 26/EIB-MT/TC/2020 ngày 13/3/2020 để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Bùi Duy H về việc yêu cầu ông Nguyễn Vũ T trả số tiền 1.750.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng theo hợp đồng hùn vốn ngày 17/4/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/02/2023, bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T, (do ông Nguyễn Vũ T là người đại diện theo pháp luật) có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Lê Thị Thuỳ V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vật liệu xây dựng T yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do hồ sơ không hợp lệ vì tại thời điểm ngày 07/4/2021 ông Lê Văn Q không còn là người đại diện theo pháp luật của ngân hàng, do đó văn bản ủy quyền của ông Lê Văn Q ngày 02/4/2018 cho ông Nguyễn Hồ Hoàng V ký đơn khởi kiện không còn giá trị tại thời điểm ngày 07/4/2021. Xét thấy, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 10 tháng 9 năm 2018 thể hiện: Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP X là ông Lê Văn Q. Theo giấy uỷ quyền số 66/2018/EIB/UQ-TGĐ ngày 02/4/2018 thể hiện Tổng giám đốc E uỷ quyền cho ông Nguyễn Hồ Hoàng V (Phó Tổng giám đốc E) được quyền đại diện cho E trong tất cả các tranh chấp kinh doanh thương mại, dân sự, hành chính giữa E với các tổ chức, cá nhân khác, đồng thời tại mục 3 của Giấy uỷ quyền này có nêu rõ chỉ chấm dứt khi có văn bản khác thay thế. Tại thời điểm ông Nguyễn Hồ Hoàng V ký đơn khởi kiện vào ngày 07/4/2021 thì không có văn bản nào thay thế giấy uỷ quyền số 66/2018/EIB/UQ-TGĐ ngày 02/4/2018. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 16 tháng 9 năm 2021 thể hiện: Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP X là ông Trần Tấn L. Ngày 15/10/2021 ông Trần Tấn L làm giấy uỷ quyền số 194/2021/EIB/UQ-TGĐ để uỷ quyền cho ông Nguyễn Hồ Hoàng V và Giấy uỷ quyền này thay thế giấy uỷ quyền số 66/2018/EIB/UQ-TGĐ ngày 02/4/2018 của Tổng giám đốc. Do đó có đủ cơ sở khẳng định việc ông Nguyễn Hồ Hoàng V ký đơn khởi kiện ngày 07/4/2021 là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên bị đơn yêu cầu Toà án đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Ngân hàng TMCP X với công ty T có ký các Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766 ngày 14/3/2020, biên bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 23/7/2020, ngày 06/11/2020 và ngày 28/01/2021, 05 khế ước nhận nợ, theo đó tổng số tiền ngân hàng đã giải ngân cho công ty T là 33.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày ký khế ước nhận nợ và tiền lãi được trả vào ngày 20 hàng tháng, nợ gốc sẽ được thanh toán một lần khi đáo hạn khoản vay. Người đại diện theo ủy quyền của công ty T cũng thừa nhận do tình hình dịch bệnh nên công ty T đã mất khả năng thực hiện việc trả lãi. Căn cứ

Điều 3 của hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2020, điểm h tiểu mục 7.1 mục 7 của phụ lục hợp đồng tín dụng, ngân hàng tiến hành khởi kiện công ty T trước khi hết thời hạn cho vay là phù hợp. Quá trình giải quyết các bên đương sự đều thống nhất công ty T còn nợ lại Ngân hàng là 31.400.693.000 đồng tiền gốc, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của công ty T yêu cầu xem xét tiền lãi theo quy định pháp luật và không đồng ý trả lãi chậm trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Xét thấy: công ty T có vay số tiền 33.400.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP X theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ là có thật, trong quá trình vay thì Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu trả số tiền vốn gốc là 31.400.693.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/01/2023 bao gồm lãi trong hạn 1.503.300.370 đồng, lãi quá hạn 6.805.659.329 đồng và lãi chậm trả lãi 255.430.774 đồng là phù hợp với quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty T trả số tiền gốc và lãi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Để đảm bảo cho khoản vay cho Công ty T với số tiền 33.400.000.000 đồng, ông Nguyễn Vũ T đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 368, 369, 201 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do T đứng tên quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 26/EIB-MT/TC/2020 ngày 13/3/2020. Xét thấy hợp đồng thế chấp ngày 13/3/2020 được công chứng và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B theo đúng quy định của pháp luật, do đó hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 6 Điều 2 của hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận *"Toàn bộ hoa lợi, lợi tức, vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với đất, tài sản bảo đảm và các quyền phát sinh từ tài sản bảo đảm cũng thuộc tài sản bảo đảm"* và tại Điều 8 của hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận "*Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho E hoặc Bên được cấp tín dụng, Bên thế chấp vi phạm quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản, cam kết khác có liên quan, E được toàn quyền yêu cầu Bên được cấp tín dụng trả nợ trước hạn hoặc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật để thu hồi nợ",* những thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp này phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 368, 369, 201 tờ bản đồ số 10 tọa

lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do T đứng tên quyền sử dụng đất theo nhận định của Toà án cấp sơ thẩm là phù hợp.

[4] Ông Bùi Duy H có yêu cầu độc lập là yêu cầu ông T trả số tiền 1.750.000.000 đồng vì ông H cho rằng đây là tiền hùn vốn xây dựng quán cà phê trên 03 thửa đất 368, 369, 201 tờ bản đồ số 10 tại phường P, thành phố B. Trước khi mở phiên tòa ngày 30/01/2023, ông Phan Thành D là người đại diện theo ủy quyền của ông H có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu độc lập của ông H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[5] Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T, giữ nguyên Quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T.

- Giữ nguyên Quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2023/KDTM-ST ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Áp dụng

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T cụ thể như sau:

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm tính đến ngày 30/01/2023 là 39.965.083.473 (ba mươi chín tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó: tiền gốc 31.400.693.000 (ba mươi mốt tỷ, bốn trăm triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng, lãi trong hạn 1.503.300.370 (một tỷ, năm trăm linh ba triệu, ba trăm nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng, lãi quá hạn 6.805.659.329 (sáu tỷ, tám trăm linh năm triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm hai mươi chín) đồng và lãi chậm trả lãi là 255.430.774 (hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn) đồng theo các văn bản tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766 ngày 14/3/2020.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766-01 ngày 23/7/2020.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766-02 ngày 06/11/2020.

- Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-200020766-03 ngày 28/01/2021.

- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-200001784 ngày 06/11/2020.

- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000228 ngày 29/01/2021.

- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000282 ngày 03/02/2021.

- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000296 ngày 04/02/2021.

- Khế ước nhận nợ số 1501-LDS-210000311 ngày 05/02/2021.

1.2. Kể từ ngày 31/01/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các văn bản tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP X thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP X theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP X.

1.3. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 368, 369, 201 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Vũ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 26/EIB-MT/TC/2020 ngày 13/3/2020 để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Bùi Duy H về việc yêu cầu ông Nguyễn Vũ T trả số tiền 1.750.000.000 (một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu) đồng theo hợp đồng hùn vốn ngày 17/4/2020.

3. Về chi phí thu thập chứng cứ:

Chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Công ty TNHH Một thành viên T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 730.000 (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, giám định và giám định lại với số tiền 9.665.000 (chín triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, ông Bùi Duy H có nghĩa vụ chịu. Ông Bùi Duy H đã nộp số tiền 7.565.000 (bảy triệu, năm trăm sáu lăm nghìn) đồng, ông T đã nộp số tiền còn lại là 2.100.000 (hai triệu, một trăm nghìn) đồng. Như vậy, ông Bùi Duy H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Vũ T số tiền là 2.100.000 (hai triệu, một trăm nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T có nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 147.965.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 80.968.000 (tám mươi triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000043 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông Bùi Duy H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.250.000 (ba mươi hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005136 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải chịu là 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002594 ngày 14/02/2023 của Chi Cục Thi

hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Đạt